

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS- ST

Ngày: 27/6/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 27/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST- DS, ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị M; sinh năm: 1969

- Ông Bùi Văn N; sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/7/2020 đến ngày 12/10/2021, bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn N có vay của chị tổng cộng là 6 lần với số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ cuối cùng của các khoản vay là ngày 12/12/2021. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, bà M và

ông N khát lần không chịu trả. Đến nay, chị đề nghị buộc bà M và ông N phải trả cho chị số tiền là 700.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà thừa nhận có vay của chị T nhiều lần tiền với tổng số tiền là 780.000.000đ. Mục đích vay tiền của bà là để buôn bán, và đầu tư vào trồng trọt nhưng bị thua lỗ. Sau đó, bà đi vay mượn để lấy chỗ nợ để trả cho chỗ khác. Đến nay bà xác định đã trả cả gốc và lãi hàng tháng với tổng số tiền là 677.000.000đ, nhưng bà không xác định được cụ thể tiền gốc đã trả là bao nhiêu, tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Những lần bà trả tiền, chị T không ký nhận mà bà chỉ ghi vào sổ tay của mình để theo dõi. Đến nay, chị T yêu cầu bà phải trả số tiền là 700.000.000đ, do điều kiện kinh tế gia đình đang rất khó khăn nên bà đề nghị với chị T giảm cho bà một phần tiền gốc. Về thời gian trả nợ, bà cũng chưa xác định được khi nào mới có điều kiện trả nợ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Văn N trình bày:

Ông chỉ biết là vợ mình có vay tiền của một số hộ hàng xóm trong đó có nhà chị T, nhưng cụ thể vay bao nhiêu tiền thì ông không biết. Mục đích ban đầu của bà M là đầu tư làm kinh tế gia đình sau đó bị thua lỗ. Việc bà M đứng ra vay tiền của chị T ông không được trực tiếp sử dụng số tiền trên nên ông không đồng ý cùng bà M trả nợ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị T và bà M, ông N đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do bà M và ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông N và bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phó, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Việc bà Nguyễn Thị M vay tiền của chị Phạm Thị T, tổng số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà chị T giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, ngày trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là bà M. Việc này, bản thân bà M cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Trong các giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau, thời hạn trả nợ của cả 6 khoản vay là vào ngày 12/12/2021. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết, chị T khởi kiện yêu cầu bà M và ông N phải trả số tiền gốc là 700.000.000đ. Bà M cho rằng đã trả được cả tiền gốc và tiền lãi số tiền 677.000.000 đồng, nhưng bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ông N không ký vào giấy vay tiền, không đồng ý cùng bà M trả nợ, nhưng ông N biết bà M vay tiền của chị T để làm kinh tế gia đình. Do đó yêu cầu của chị T là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T. Buộc bà M và ông N phải có trách nhiệm trả cho chị T tổng số tiền gốc 700.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị T được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bà M và ông N phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn N phải trả cho chị Phạm Thị T số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng)

Kể từ khi Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà M và ông N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn N phải chịu 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà anh Chung và chị Hương đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007610 ngày 18/4/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Tân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Hải